

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 85 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1247/2021/TLST-VDS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Huy A, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 4, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Vũ Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 4, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là loại việc dân sự. Các đương sự hiện cư trú tại thành phố Thủ Đức. Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Ông Lê Huy A và bà Vũ Thị T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, Quyền số 01/2008, đăng ký ngày

06/10/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam nên quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà T là hợp pháp.

Căn cứ Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, lời khai và nội dung trình bày của ông A và bà T tại phiên hòa giải đoàn tụ, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông A và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ông A và bà T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên hòa giải đoàn tụ, ông A và bà T cùng yêu cầu Tòa án công nhận ông bà thuận tình ly hôn và công nhận các thỏa thuận:

- Về con chung: Ông Lê Huy A và bà Vũ Thị T có 02 (hai) con chung là Lê Huy Tiến M, sinh ngày 26/8/2009 và Lê Huy Minh Q, sinh ngày 05/6/2012. Ông A và bà T thống nhất giao cả hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi (trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục). Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông A.

Quyền, nghĩa vụ của ông Lê Huy A và bà Vũ Thị T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về lệ phí: Bà Xuân tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí Tòa án.

Xét sự nội dung thỏa thuận trên của đương sự là không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Huy A và bà Vũ Thị T thuận tình ly hôn. Quyền và nghĩa vụ vợ chồng giữa ông A và bà T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, Quyền số 01/2008, đăng ký ngày 06/10/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Lê Huy A và bà Vũ Thị T có 02 (hai) con chung là Lê Huy Tiến M, sinh ngày 26/8/2009 và Lê Huy Minh Q, sinh ngày 05/6/2012. Ông A và bà T thống nhất giao cả hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi (trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục). Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông A.

Quyền, nghĩa vụ của ông Lê Huy A và bà Vũ Thị T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo

quy định tại các điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Lê Huy A nguyện chịu toàn bộ và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0024333 ngày 22/10/2021 do chi cục Thi hành án thành phố Thủ Đức lập .

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- UBND phường Tân An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Chí Quang